

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/HS-ST

Ngày: 24-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Chí Vương
2. Ông: Hoàng Văn Tân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/TLST-HS ngày 12/4/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 31/2019/QĐXXST-HS ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo:

Điếu T, sinh năm 1987 tại Bình Phước; Tên gọi khác: C; Nơi cư trú: tổ 6, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Stiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điếu Q (đã chết) và bà Thị C (bị cáo không nhớ năm sinh); Bị cáo có vợ tên Thị B sinh năm 1982 ; Bị cáo có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh **Thạch V**, sinh năm 1971 (Vắng)

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng: **Thị P**, sinh năm 1982 (Vắng)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/12/2018 Điều T và Thạch V có đến nhà của ông Điều L thuộc Tổ 7, ấp P, xã T, huyện H cùng với ông L nhậu. Ngoài ra còn có Thị P là người sống như vợ chồng với anh V cũng đi cùng nhưng không uống rượu. T, V và ông L ngồi uống rượu khoảng 30 phút thì hết đồ nhậu, anh V lấy 200.000đ trong bọc tiền của anh V có 29.400.000đ đưa cho ông L đi mua thêm đồ về uống rượu. Số tiền còn lại anh V bỏ vào túi quần và quần lại để trên giường tại phòng khách nhà ông L gần nơi chị Thị P ngồi. Sau khi ông L đi mua 20.000đ cá khô về thì anh V và T tiếp tục uống rượu với nhau theo một lúc thì hết thức ăn nên anh V đi ra vườn hái lá chua vào nấu canh. Trong lúc anh V đi ra ngoài T biết anh V để tiền trong túi quần nên đã lấy số tiền cùng với cả quần của anh V ra bên ngoài sau đó lấy số tiền và ném quần của anh V xuống mương gần nhà ông L rồi lấy xe đi về nhà T.

Sau khi anh V vào không nhìn thấy quần của anh V nên có hỏi Thị P thì được Thị P cho biết T đã lấy. Ngay sau đó anh V đuổi theo T nhưng không kịp nên đã trình báo công an xã T.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKSHQ ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Điều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều T 12 tháng đến 16 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo hiện đang sống chung với mẹ già 72 tuổi. Xin hội đồng xét xử xem xét xử nhẹ cho bị cáo được chăm sóc người mẹ đã già.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đầy đủ cơ sở khách quan xác định vào ngày 02/12/2018 trong lúc ngồi uống rượu cùng với anh V và ông L, do thấy anh V có nhiều tiền để trong túi quần cuộn tròn lại để trên giường nhà ông L, khi thấy anh V đi ra ngoài T đã lấy trộm số tiền của anh V 29.200.000đ đem về nhà cất giấu. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày do thấy anh V khoe tiền nên mới lấy và chưa biết sẽ sử dụng vào việc gì. Dù cho bị cáo chưa sử dụng nhưng với việc bị cáo cố ý lấy tài sản của người khác đem cất giấu là đã vi phạm pháp luật hình sự.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, bị cáo còn khai Thị P là người xúi giục bị cáo lấy trộm tiền của anh V nhưng qua đối chất, Thị P không thừa nhận. Bên cạnh đó Thị P lại là người sống chung với anh V và cũng chính Thị P nói cho anh V biết chính T là người đã trộm tiền của anh V do vậy không có căn cứ xác định Thị P đồng phạm với bị cáo trong vụ án này.

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H chỉ truy tố bị cáo Điều T về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bởi hành vi của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang chăm sóc cho mẹ già. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cộng đồng mà chỉ cần giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát giáo dục bị cáo giúp đỡ bị cáo trở thành người tốt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là quá nghiêm khắc Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Điều T phạm: “Tội trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Điều T 01 (một) năm tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xử lý đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Điều T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thành Liêm

